

Trường Khoa Học Kỹ Thuật Phụ Anh (Đại học, chuyên ban) Những điều lưu ý khi ở ký túc xá (Năm học 112/09/08)

※學生宿舍管理以自治為原則，在團體生活中，應彼此尊重，互相體諒、包容。

“Quản lý ký túc xá sinh viên dựa trên nguyên tắc tự quản. Trong cuộc sống tập thể, mọi người nên tôn trọng lẫn nhau, thông cảm và khoan dung.”

※此須知攸關每位同學的權益請務必閱讀。

”Thông tin này liên quan đến quyền lợi của từng sinh viên, xin vui lòng đọc kỹ.”

壹、電器（電費）須知”1. Những điều cần biết về thiết bị điện (chi phí điện)”：

一、學生宿舍僅能使用以下電器用品”Trong ký túc xá, chỉ được phép sử dụng các thiết bị điện sau đây。”：

(一)電腦主機、螢幕、喇叭、列表機”(1) Máy tính để bàn, ipad, loa, máy in”、UPS。

(二)檯燈、桌上型電扇及吹風機（耗電量請勿超過 1000W）。”(2) Đèn bàn, quạt để bàn và máy sấy tóc (công suất tiêu thụ không vượt quá 1000W)”

(三)手機充電設備。”(3) Thiết bị sạc điện thoại di động”

二、宿舍電費基本度數計算標準如下”Cách tính tiêu chuẩn mức điện cơ bản của ký túc xá như sau”：

(一)本校各寢室依前揭計算標準制定各寢室每月用電基本量為四人房：**400 度**(頂樓為原度數+20 度)、六人房：**420 度**(頂樓為原度數+20 度)，超過用電基本量之部份，由各寢自行負擔超額度電費，超出部份收費如下”Tại trường, căn cứ vào tiêu chuẩn tính toán đã nêu, lượng điện cơ bản hàng tháng cho các phòng ký túc xá được quy định như sau: Phòng 4 người: 400 kWh (phòng trên tầng mái cộng thêm 20 kWh); Phòng 6 người: 420 kWh (phòng trên tầng mái cộng thêm 20 kWh). Phần điện tiêu thụ vượt quá lượng điện cơ bản sẽ do các phòng tự chi trả. Mức phí cho phần vượt quá được quy định như sau.”：

分類 Phân loại	夏月 mùa hè	非夏月 thời gian khác
每度基本電費 Giá mỗi kWh	4.75 元 NTD	3.5 元 NTD

註 1：夏月 mùa hè：6 月 1 日~9 月 30 日 từ 1/6-30/9；非夏月 thời gian khác：夏月以外之時間 các khoảng thời gian khác。

註 2：超額度電費收費計算係依據台電公司最新公告之高壓供電三段式時間電價為基準，外加電力損失 25%計價。”Phí điện vượt mức được tính theo cơ sở giá điện ba giai đoạn của Công ty Điện lực Đài Loan công bố mới nhất, cộng thêm 25% phí tổn hao điện.”

註 3：爾後依台電公司公告之最新電價費率，滾動式調整超額度電費計價方式，並另行公告知。”Sau này, cách tính phí điện vượt mức sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ giá điện mới nhất do Công ty Điện lực Đài Loan công bố và sẽ được thông báo riêng.”

註 4：冷氣開放時間: 全學年凡室外溫度達攝氏 26 度以上(僅限宿舍區，學校其它區域為攝氏 28 度以上)，每日早上 11 點至隔日早上 7 點止。”Thời gian mở điều hòa: Trong suốt năm học, nếu nhiệt độ ngoài trời đạt 26 độ C trở lên (chỉ áp dụng cho khu ký túc xá, các khu vực khác của trường là từ 28 độ C trở lên), điều hòa sẽ hoạt động từ 11 giờ sáng đến 7 giờ sáng ngày hôm sau.”

*全學年 不分冬季、夏季、平日、假日。Cả năm học không phân biệt mùa đông, hè ngày thường hay ngày nghỉ

*室外溫度達攝氏 26 度以上:係以高雄市大寮區早上 11 點之室外溫度為基準。”Nhiệt độ ngoài trời đạt 26 độ C trở lên được tính dựa trên nhiệt độ ngoài trời lúc 11 giờ sáng tại khu Đại Liêu, thành phố Cao Hùng.”

(二)超額度電費以每個月(4週)執行收繳乙次；另 17-18 週等 2 週超額度電費，依用電基本量之比例核算之(1 週之用電基本量以每月基本用電之 1/4 比例核算)；抄電錶時間由各宿舍老師公告。例如：四人房每月用電基本量為 400 度，17-18 週等 2 週的用電基本量則為 200 度。

”Phí điện vượt mức được thu vào mỗi tháng (4 tuần) một lần. Đối với 2 tuần từ tuần 17 đến tuần 18, phí điện vượt mức sẽ được tính theo tỷ lệ của lượng điện cơ bản (lượng điện cơ bản của một tuần được tính bằng $\frac{1}{4}$ lượng điện cơ bản hàng tháng). Thời gian đọc đồng hồ điện sẽ được các giáo viên ký túc xá thông báo. Ví dụ: đối với phòng 4 người, lượng điện cơ bản hàng tháng là 400 kWh, thì lượng điện cơ bản cho 2 tuần từ tuần 17 đến tuần 18 sẽ là 200 kWh.”

(三)有關宿舍電費基本度數計算標準為”Các tiêu chuẩn tính toán mức điện cơ bản của ký túc xá là”：

電燈 $20W \times 4 = 80W$ 用量 0.08 度、書桌燈 $15W \times 6 = 90W$ 用量 0.09 度

插座 $60W \times 6 = 360W$ 用量 0.36 度，共計 0.53 度

$0.53 \text{ 度} \times 7 \text{ 小時 (一天)} = 3.71 \text{ 度}$ 、每月 26 天

$3.71 \text{ 度} \times 26 = 96.5 \text{ 度}$

“Đèn điện $20W \times 4 = 80W$ tiêu thụ 0.08 kWh, đèn bàn $15W \times 6 = 90W$ tiêu thụ 0.09 kWh,

ổ cắm $60W \times 6 = 360W$ tiêu thụ 0.36 kWh, tổng cộng là 0.53 kWh.

$0.53 \text{ kWh} \times 7 \text{ giờ (1 ngày)} = 3.71 \text{ kWh}$, mỗi tháng 26 ngày

$3.71 \text{ kWh} \times 26 = 96.5 \text{ kWh}$.”.

空調部份對於冷氣機：

冷房能力 $4800K/3025K = 1.59 \text{ 度}$

每日用量以 7.2 小時計算， $1.59 \text{ 度} \times 7.2 \text{ 小時} = 11.5 \text{ 度}$

每月 26 天 $\times 11.5 \text{ 度} = 299 \text{ 度}$

每間寢室基本用量為 $96.5 \text{ 度} + 299 \text{ 度} = 396 \text{ 度}$

學校基於上列標準制定各寢室本用量為

四人房：400 度、六人房：420A 度、頂樓 440 度

“Công suất làm lạnh $4800K/3025K = 1.59$

kWh, tính toán lượng tiêu thụ hàng ngày với 7.2 giờ, $1.59 \text{ kWh} \times 7.2 \text{ giờ} = 11.5 \text{ kWh}$

mỗi ngày. Mỗi tháng, 26 ngày $\times 11.5 \text{ kWh} = 299 \text{ kWh}$.

Lượng điện cơ bản của mỗi phòng ký túc xá là $96.5 \text{ kWh} + 299 \text{ kWh} = 396 \text{ kWh}$.

Dựa trên tiêu chuẩn trên, trường quy định lượng điện cơ bản cho các phòng như sau:

- Phòng 4 người: 400 kWh

- Phòng 6 người: 420 kWh

- Tầng mái: 440 kWh”

※計算公式：單價×使用度數”Công thức tính toán: Đơn giá $\times$ Lượng sử dụng”

(四)寒、暑假借宿期間電費基本度數計算標準及超額度收取標準，亦準用上述相關規定。”Các tiêu chuẩn tính toán mức điện cơ bản và mức thu phí vượt mức trong thời gian nghỉ đông và nghỉ hè cũng áp dụng theo các quy định liên quan đã nêu trên.”

貳、假日留宿（平日外宿）規定”Quy định về việc lưu trú vào ngày nghỉ (vắng mặt vào ngày thường)”：

一、週日至週四辦理外宿者，大學住宿生如有家長同意書者，每學期僅首次須請家長（監護人）於當日 22：00 前電話聯繫，爾後便由住宿生自行請假報備即可，若無家長同意書者，亦須請家長電話請假；另專科住宿生考量未成年，須請家長電話請假，使期安心，並經宿舍老師或幹部確同意後，完成請假手續。

”1. Đối với việc lưu trú ngoài ký túc xá từ Chủ nhật đến thứ Năm, sinh viên đại học nếu có giấy đồng ý của phụ huynh thì mỗi học kỳ chỉ cần lần đầu tiên yêu cầu phụ huynh (hoặc người giám hộ) gọi điện trước 22:00 ngày hôm đó; từ lần sau, sinh viên có thể tự xin phép và thông báo. Nếu không có giấy đồng

ý của phụ huynh, sinh viên cũng phải xin phép qua điện thoại từ phụ huynh. Đối với học sinh cấp 3, do còn chưa đủ tuổi trưởng thành, cần phải xin phép qua điện thoại từ phụ huynh để đảm bảo an toàn, và hoàn tất thủ tục xin phép sau khi được xác nhận và đồng ý bởi giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá.”

二、凡未完成請假手續而自行外宿者，以不假外宿論；凡冒充家長（監護人）者，一經發現依校規辦理；另登記外宿者，臨時又銷假者，仍須照常參加點名，不得晚歸。

”2. Những trường hợp chưa hoàn tất thủ tục xin phép mà tự ý ở ngoài ký túc xá sẽ bị coi là không có phép. Những trường hợp giả mạo phụ huynh (hoặc người giám hộ) sẽ bị xử lý theo quy định của trường. Ngoài ra, những người đã đăng ký lưu trú ngoài ký túc xá nhưng sau đó hủy phép đột xuất vẫn phải tham gia điểm danh như thường lệ và không được về muộn.”

三、週五、六留宿同學須於週四 21：30 前至值班室登記留宿，欲更改者亦同，並請家長（監護人）來電確認，未辦更正而擅自離宿者，以「不假外宿」論；惟臨時返校留宿，經主動告知宿舍老師或幹部者，即為完成留宿程序。”

3. Sinh viên lưu trú vào cuối tuần (thứ Sáu, thứ Bảy) phải đăng ký tại phòng trực trước 21:30 thứ Năm, những thay đổi cũng phải thực hiện theo quy định này và phụ huynh (hoặc người giám hộ) cần gọi điện xác nhận. Nếu không thực hiện điều chỉnh và tự ý rời ký túc xá, sẽ bị coi là ‘không có phép lưu trú’. Tuy nhiên, nếu trở về ký túc xá để lưu trú đột xuất và đã thông báo chủ động cho giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá, sẽ được coi là đã hoàn tất thủ tục lưu trú.”

四、居家臨時身體不適、重大事件，無法返宿時，需請家長（監護人）電話聯繫宿舍老師（幹部），並於返宿後攜帶家長或醫院證明補請外宿假。”

4. Trong trường hợp sức khỏe không ổn định hoặc có sự kiện quan trọng tại nhà khiến không thể trở về ký túc xá, cần phải yêu cầu phụ huynh (hoặc người giám hộ) gọi điện liên hệ với giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá. Sau khi trở về ký túc xá, sinh viên phải mang theo giấy chứng nhận của phụ huynh hoặc bệnh viện để bổ sung giấy phép lưu trú ngoài ký túc xá.”

五、返宿因塞車、誤點及交通工具故障，無法於 23:00 時限內參加晚點名者，請於晚點名前由家長（監護人）來電聯繫，檢附相關證明向宿舍老師（幹部）須完成請假。”

5. Nếu không thể tham gia điểm danh vào lúc 23:00 do tắc đường, trễ chuyến hoặc sự cố phương tiện giao thông, sinh viên cần yêu cầu phụ huynh (hoặc người giám hộ) gọi điện liên hệ trước giờ điểm danh. Đồng thời, cần cung cấp các chứng từ liên quan và hoàn tất thủ tục xin phép với giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá.”

六、宿舍不得接待及留宿賓客，家長如須會客可申請交誼廳使用，當日 21：00 不再受理會客。”

Ký túc xá không được phép tiếp đón và lưu trú khách. Nếu cần tiếp phụ huynh, có thể xin sử dụng phòng khách. Việc tiếp khách sẽ không được xử lý sau 21:00 cùng ngày.”

參、點名規定 **Quy định điểm danh**：

一、大學規定 đối với hệ đại học：

(一)宿舍 23：00 關門，次日 06：00 開門；晚點名時 (23：00 至 23：20)請於寢室內保持安靜，等候幹部清點，每天 24:00 熄大燈(可開桌燈讀書)，熄大燈後，請降低音量並嚴禁盥洗、洗衣及使用洗衣機、脫水機、吹風機。”

(1) Ký túc xá đóng cửa lúc 23:00 và mở cửa lại lúc 06:00 hôm sau. Trong thời gian điểm danh buổi tối (từ 23:00 đến 23:20), vui lòng giữ yên tĩnh trong phòng và chờ cán bộ điểm danh. Hàng ngày, đèn chính sẽ tắt lúc 24:00 (có thể bật đèn bàn để học). Sau khi tắt đèn chính, vui lòng giảm âm lượng và nghiêm cấm việc rửa mặt, giặt đồ, sử dụng máy giặt, máy vắt, và máy sấy tóc.”

(二)人員清查時，嚴禁有代點情形，凡有點名不到者，視同不假外宿；若臨時有重大事故無法返宿，亦請於當晚 23：00 前，向宿舍老師或幹部報備”

(2) Trong thời gian điểm danh, nghiêm cấm việc điểm danh hộ. Những trường hợp không tham gia điểm danh sẽ bị coi là không có phép lưu trú ngoài ký túc xá. Nếu có sự cố quan trọng bất ngờ khiến không thể về ký túc xá, cũng phải báo cáo cho giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá trước 23:00 cùng ngày.”

二、專科規定 hệ chuyên ban：

(一)宿舍 23:00 為晚點名時間並關門，06：00 開門；24:00 為熄大燈時間（可開桌燈讀書），該時段內降低音量並嚴禁盥洗、洗衣及使用洗衣機、脫水機、吹風機。（點名時務必本人應到、嚴禁他人代點或留宿他人寢室）

"(1) Ký túc xá sẽ điểm danh và đóng cửa lúc 23:00, và mở cửa lại lúc 06:00 hôm sau. Đèn chính sẽ tắt lúc 24:00 (có thể bật đèn bàn để học). Trong thời gian này, vui lòng giảm âm lượng và nghiêm cấm việc rửa mặt, giặt đồ, cũng như sử dụng máy giặt, máy vắt và máy sấy tóc. (Khi điểm danh, sinh viên phải có mặt trực tiếp, nghiêm cấm việc điểm danh hộ hoặc lưu trú trong phòng của người khác.)"

(二)23:00 後，未告知宿舍老師或幹部，且未獲同意私自離宿者，若經發現，依規定予以處分；未到晚點名前返回宿舍，需於 23:00 前打電話向宿舍老師（幹部）核備。

"(2)Sau 23:00, nếu không thông báo cho giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá và tự ý rời ký túc xá mà không được sự đồng ý, sẽ bị xử lý theo quy định nếu bị phát hiện. Nếu không về ký túc xá trước giờ điểm danh buổi tối, cần phải gọi điện cho giáo viên (hoặc cán bộ) để xin phép trước 23:00."

(一) 配合每週內務檢查日，住宿生須在 07：15 分打完鐘前離開宿舍，不得無故逗留宿舍；另檢查時寢室門請勿上鎖，以利幹部進入寢室內實施內務檢查工作，以維護宿舍環境衛生。"(2) Để phối hợp với ngày kiểm tra nội vụ hàng tuần, sinh viên phải rời ký túc xá trước 07:15 và không được ở lại ký túc xá mà không có lý do. Ngoài ra, trong thời gian kiểm tra, vui lòng không khóa cửa phòng để cán bộ có thể vào thực hiện công tác kiểm tra nội vụ, nhằm duy trì vệ sinh môi trường ký túc xá."

肆、郵件處理"Xử lý thư từ"：

一、學生信件及包裹統由收發室統一收件，學生請自行前往領取。

"1. Thư và bưu phẩm của sinh viên sẽ được tập trung nhận tại phòng nhận và gửi. Sinh viên cần tự đến nhận."

二、學生郵寄郵件應注意事項如下"2. Những điểm cần lưu ý khi sinh viên gửi thư như sau:"

(一)住校同學之國內外來信、包裹、銀行匯款通知電報，均請通知親友用中文寫明郵遞區號、地址、校名、宿舍別、室號及姓名，如：(83102 高雄市大寮區進學路 151 號輔英科技大學第 1 宿舍 1005 室王小明)"(1) Đối với thư từ, bưu phẩm và thông báo chuyển khoản ngân hàng gửi đến sinh viên nội trú, yêu cầu người gửi thông báo cho bạn bè và người thân viết bằng tiếng Trung và ghi rõ mã bưu chính, địa chỉ, tên trường, ký túc xá và số phòng, ví dụ: (83102, Số 151, Đường Tiến Học, Khu Đại Liêu, Thành phố Cao Hùng, Ký túc xá số 1, Phòng 1005, Wang Xiaoming)."。

(二)同學寄出信件，必須在信封寫明寄件人姓名、地址、校名、宿舍別、室號，以便無法投遞時退還。"(2) Khi gửi thư, sinh viên phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, tên trường, ký túc xá và số phòng của người gửi trên phong bì để có thể hoàn trả nếu không thể giao thư."

伍、自習規定"Quy định về tự học"：(本條文適用專科一至三年級"Điều khoản này áp dụng cho sinh viên năm nhất đến năm ba hệ chuyên ngành."

每星期一及星期三 19：00-21：00 為晚自習時間封宿，此期間各寢室關門且禁止任何活動、請安靜自修；另星期二、四可參加社團或至圖書館，但不得私自離校，且須於晚自習管制卡上蓋章確認，留置宿舍晚自習者依相關規定實施（如禁止任何盥洗等...）。

"Mỗi thứ Hai và thứ Tư từ 19:00 đến 21:00 là thời gian tự học buổi tối và ký túc xá sẽ đóng cửa. Trong thời gian này, các phòng ký túc xá phải đóng cửa và cấm mọi hoạt động, yêu cầu giữ yên tĩnh để tự học. Vào thứ Ba và thứ Năm, sinh viên có thể tham gia câu lạc bộ hoặc đến thư viện, nhưng không được tự ý rời trường. Sinh viên phải đóng dấu xác nhận trên thẻ kiểm soát tự học buổi tối. Những sinh viên lưu trú lại ký túc xá trong thời gian tự học buổi tối sẽ phải tuân theo các quy định liên quan (như không được phép sử dụng máy giặt, v.v.)."

陸、學生安全 Ăn toàn cho sinh viên：

一、會客規定"Quy định về tiếp khách"：

女（男）宿舍禁止男（女賓〔包括親人〕）及非本宿學生進入，若有特別事故（如開、封宿期間）須以身份證、學生證至值班室登記後，在交誼廳會客；21：00 以後，不再受理會客。

”Nhà nữ (nam) ký túc xá cấm nam (nữ) khách (bao gồm cả người thân) và những người không phải là sinh viên của ký túc xá vào. Trong trường hợp đặc biệt (như trong thời gian mở hoặc đóng ký túc xá), cần phải đăng ký tại phòng trực bằng thẻ căn cước và thẻ sinh viên, sau đó mới được tiếp khách tại phòng khách. Sau 21:00, việc tiếp khách sẽ không được xử lý.”

二、宿舍安全 an toàn ở ký túc xá：

- (一)住宿生須參加每學期防震、災演練，本活動視為「安全教育」課程，舉凡有補習、打工等情事，應先調整時段或請假，不得藉故不參加訓練課程。”(1) Sinh viên lưu trú phải tham gia các buổi tập huấn phòng chống động đất và thảm họa mỗi học kỳ. Hoạt động này được coi là một phần của khóa học ‘Giáo dục An toàn’. Nếu có lớp học bổ túc hoặc làm thêm, sinh viên cần phải điều chỉnh thời gian hoặc xin phép nghỉ, không được lấy lý do để không tham gia khóa đào tạo.”
- (二)不得在宿舍內炊膳，嚴禁吸菸、喝酒及影響善良風俗之各項行為，並禁止攜帶香菸、酒類、賭具、毒品進入宿舍，違者依學校相關規定處份。”(2) Cấm nấu ăn trong ký túc xá. Nghiêm cấm hút thuốc, uống rượu và các hành vi ảnh hưởng đến đạo đức tốt. Cấm mang thuốc lá, đồ uống có cồn, dụng cụ cờ bạc và ma túy vào ký túc xá. Vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của trường.”
- (三)寢室內不得使用酒精燈、易燃（爆）物品及燃燒紙張、蠟燭等有安全顧慮物品，致使設施損壞者得予以處分及照價賠償。”(3) Cấm sử dụng đèn cồn, các vật liệu dễ cháy (nổ), và các vật liệu có nguy cơ cháy như giấy, nến trong phòng. Những người gây hư hỏng cơ sở vật chất sẽ bị xử lý và phải bồi thường theo giá trị thiệt hại.”
- (四)嚴禁由寢室內向窗外潑水及丟棄東西或大聲喧嘩；並攀爬窗戶或由窗戶進出寢室。”(4) Cấm ném nước ra ngoài cửa sổ, vứt đồ đạc hoặc gây ồn ào từ trong phòng ra ngoài. Cấm leo trèo qua cửa sổ hoặc ra vào phòng qua cửa sổ.”
- (五)宿舍內嚴禁男(女)賓、非住宿生及非該棟住宿生進入，在宿舍內發現可疑人物，請立即向宿舍老師或幹部反映。”(5) Cấm nam (nữ) khách, sinh viên không lưu trú và sinh viên không thuộc tòa nhà đó vào ký túc xá. Nếu phát hiện người lạ nghỉ ngơi trong ký túc xá, hãy ngay lập tức báo cáo cho giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá.”
- (六)學校公務單位(如營繕組、資訊組...等修繕人員)，進出宿舍(或寢室)會穿著足以辨識之公務背心，請同學注意。”(6) Các nhân viên sửa chữa từ các đơn vị công vụ của trường (như nhóm bảo trì, nhóm công nghệ thông tin, v.v.) khi vào ký túc xá (hoặc phòng) sẽ mặc áo ghi nhận dạng công vụ. Sinh viên cần chú ý.”
- (七)基於安全考量，寢室床位嚴禁二人以上(含二人)同床聊天或睡覺”(7) Vì lý do an toàn, cấm hai người trở lên (bao gồm hai người) nằm chung giường để trò chuyện hoặc ngủ.”。
- (八)每晚 21：20～45 分為進修部放學時間，人車流量較大，視線昏暗，為保護自身安全，請走環湖道路，避免人車爭道，增加危險性。”(7) Từ 21:20 đến 21:45 mỗi tối là thời gian học sinh của bộ phận giáo dục tiếp tục tan học, lượng người và phương tiện di chuyển nhiều và ánh sáng yếu. Để bảo vệ an toàn của bản thân, vui lòng đi theo con đường xung quanh hồ, tránh tình trạng người và xe tranh nhau đường, làm tăng nguy cơ nguy hiểm.”

三、電器安全 an toàn khi sử dụng các thiết bị điện：

- (一)住宿生請於寢室內使用吹風機（同時間僅可使用一台），嚴禁在走廊或公區使用；另勿多項電器用品同時使用同一條延長線，避免電量超載，增加危險性。”(1) Sinh viên lưu trú chỉ được sử dụng máy sấy tóc trong phòng (chỉ được sử dụng một máy sấy tóc cùng một lúc), cấm sử dụng trong hành lang hoặc khu vực công cộng. Ngoài ra, không được sử dụng nhiều thiết bị điện cùng một lúc trên cùng một dây nối, để tránh quá tải điện, làm tăng nguy cơ nguy hiểm.”

- (二)各電梯如遇緊急狀況方可使用緊急按鈕，非緊急狀況使用，將依校規處置。”(2) Các thang máy chỉ được sử dụng nút khẩn cấp trong các tình huống khẩn cấp. Việc sử dụng nút khẩn cấp trong các tình huống không khẩn cấp sẽ bị xử lý theo quy định của trường.”

柒、環境整潔及設備維修 "Vệ sinh môi trường và bảo trì thiết bị"

一、內務規範"Quy định nội vụ":

- (一)同學應每日確實做好寢室內務，清除垃圾，桌面物品保持整齊，棉被折疊整齊放置。
- ”(1) Sinh viên cần phải thực hiện nghiêm túc công việc nội vụ trong phòng mỗi ngày, dọn dẹp rác thải, giữ cho đồ đạc trên bàn gọn gàng và gấp chăn màn gọn gàng.”
- (二)個人衣物及物品，不得放或掛置⑤台；並嚴禁向⑤外丟置雜物與垃圾，寢室門口與走廊禁止放置任何物品及垃圾。
- ”(2) Đồ dùng cá nhân không được để hoặc treo ở ngoài cửa phòng. Cấm ném đồ lặt vặt và rác ra ngoài. Cấm để bất kỳ đồ vật và rác thải nào ở trước cửa phòng và hành lang.”
- (三)為維護宿舍環境衛生，宿舍內不可飼養寵物（含狗、貓、毛毛蟲、烏龜、兔子、老鼠等 ... ），違者通知家長帶回寵物。
- ”(3) Để bảo vệ vệ sinh môi trường ký túc xá, cấm nuôi thú cưng trong ký túc xá (bao gồm chó, mèo, sâu bướm, rùa, thỏ, chuột, v.v.). Nếu vi phạm, sẽ thông báo cho phụ huynh để đưa thú cưng về.”
- (四)除公佈欄外，嚴禁在寢室、牆壁、櫃子、床鋪塗鴉及張貼任何東西。
- ”(4) Ngoại trừ bảng thông báo, cấm vẽ hoặc dán bất kỳ thứ gì lên tường, tủ, giường hoặc trong phòng.”

二、清潔措施"Biện pháp vệ sinh"（作為 mục đích）:

- (一)為維持宿舍整潔衛生，宿舍將每週清理冰箱食品，請勿將過多食品冰至冰箱，導致冷凍功能不佳，宿舍有權暫停使用，直至改善完成後再行使用。
- ”(1) Để duy trì sự sạch sẽ và vệ sinh của ký túc xá, ký túc xá sẽ dọn dẹp thực phẩm trong tủ lạnh hàng tuần. Vui lòng không để quá nhiều thực phẩm trong tủ lạnh để tránh làm giảm hiệu quả của chức năng đông lạnh. Ký túc xá có quyền tạm ngưng sử dụng tủ lạnh cho đến khi việc cải thiện được hoàn tất.”
- (二)08:00-17:00 及 24:00-05:00 洗手台嚴禁放置任何物品，違者一律清除，以維空間整潔。
- ”(2) Từ 08:00 đến 17:00 và từ 24:00 đến 05:00, cấm để bất kỳ vật dụng nào trên bồn rửa tay. Những vật dụng vi phạm sẽ bị dọn dẹp để duy trì sự gọn gàng của không gian.”
- (三)廁所垃圾桶禁止丟擲衛生紙（棉）以外垃圾。
- ”(3) Cấm vứt rác thải ngoài giấy vệ sinh (bông) vào thùng rác trong toilet.”
- (四)宿舍公區打掃時段，凡留置此處同學宜應讓出空間並主動勸導離開公區，以便於整理工作。
- ”(4) Trong thời gian dọn dẹp khu vực công cộng của ký túc xá, sinh viên có mặt tại khu vực này nên nhường chỗ và chủ động khuyên người khác rời khỏi khu vực công cộng để công việc dọn dẹp được thuận lợi.”
- (五)宿舍於期初、中和末舉行大掃除，屆時請做好內務整理，宿舍幹部將依評分表實施檢查。
- ”(5) Ký túc xá sẽ tổ chức dọn dẹp lớn vào đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ. Vào những thời điểm này, vui lòng sắp xếp nội vụ gọn gàng. Cán bộ ký túc xá sẽ thực hiện kiểm tra theo bảng đánh giá.”
- (六)遷離宿舍包括寒、暑假離校，需自行處理廢棄物，並將寢室清潔回復原狀，經檢查合格並完成驗收單簽署後，才得離去。
- ”(6) Khi rời ký túc xá, bao gồm cả trong kỳ nghỉ đông và hè, sinh viên phải tự xử lý rác thải và dọn dẹp phòng trở lại trạng thái ban đầu. Sinh viên chỉ được rời đi sau khi phòng được kiểm tra đạt yêu cầu và hoàn tất việc ký tên vào biên bản nghiệm thu.”
- (七)住宿生因受罰掃處分，而未於時限內完成罰掃超過一個月，依懲處規定處分。
- ”(7) Nếu sinh viên lưu trú bị phạt quét dọn và không hoàn thành công việc quét dọn trong thời hạn quy định, sau một tháng sẽ bị xử lý theo quy định kỷ luật.”
- (八)打掃公區時間：平日及朝會由各宿舍自行律定；如遇朝會時，專科住宿生須於 07:20 前操場集合完畢。
- ”(8) Thời gian dọn dẹp khu vực công cộng: vào các ngày trong tuần và khi có cuộc họp buổi sáng, mỗi ký túc xá tự quy định. Trong trường hợp có cuộc họp buổi sáng, sinh viên hệ chuyên ngành phải tập trung tại sân thể thao trước 07:20.”

三、環保（衛生）作為"Hành động bảo vệ môi trường (vệ sinh)"

(一)請配合政府政策，做好資源回收之工作；泡麵盒、洗衣（精）粉罐、盥洗用罐及塑膠類不可丟棄廁所，請清洗後自行投擲至資源回收子母車。

”(1) Vui lòng phối hợp với chính sách của chính phủ và thực hiện công việc tái chế tài nguyên. Các hộp mì ăn liền, hộp bột giặt, hộp đựng dụng cụ vệ sinh và các vật liệu nhựa không được vứt vào toilet. Sau khi rửa sạch, hãy tự bỏ vào xe thu gom tái chế.”

(二)飲水機的熱水不可為洗臉（澡）使用；若泡麵、泡茶或泡咖啡時，勿將殘餘倒於水槽內，以保持清潔及衛生。

”(2) Nước nóng từ máy lọc nước không được sử dụng để rửa mặt (hoặc tắm). Khi nấu mì ăn liền, pha trà hoặc cà phê, không đổ phần dư vào bồn rửa để giữ vệ sinh và sạch sẽ.”

四、浴室使用規定 Quy định sử dụng phòng tắm：

(一)沐浴時，不得高聲歌唱或發出異常聲響妨礙宿舍安寧，並隨時保持浴室清潔。”(1) Khi tắm, không được hát to hoặc phát ra tiếng ồn làm ảnh hưởng đến sự yên tĩnh của ký túc xá, và luôn giữ cho phòng tắm sạch sẽ.”

(二)愛護沐浴設施，不得任意移動或破壞，並節約用水，用畢立即關閉水龍頭。”(2) Bảo vệ các thiết bị tắm, không được di chuyển hoặc làm hỏng chúng. Tiết kiệm nước và đóng vòi ngay sau khi sử dụng xong.”

五、設備維修事宜”Các vấn đề bảo trì thiết bị”:

(一)發現設備損壞，請自行上學校「修繕服務系統」填寫修繕申請，在營繕組工作進度安排許可下，該組會儘速於二天內完成，若有延誤請與營繕組董莉娟小姐（2340）連絡。

”(1) Nếu phát hiện thiết bị bị hỏng, vui lòng tự mình vào hệ thống ‘Dịch vụ sửa chữa’ của trường để điền đơn yêu cầu sửa chữa. Dựa trên tiến độ công việc của nhóm bảo trì, nhóm sẽ hoàn thành trong vòng hai ngày. Nếu có sự trì hoãn, hãy liên hệ với cô Dong Lijuan (số máy 2340) của nhóm bảo trì.”

(二)在營繕組預定二天內之修繕預定期內，因修繕公務將會有修繕人員進入寢室修繕，請同學要注意服儀並要將貴重物品（錢財、證件）妥善保管，以免產生爭議。

”(2) Trong thời gian sửa chữa dự kiến trong hai ngày của nhóm bảo trì, sẽ có nhân viên sửa chữa vào phòng để thực hiện công việc. Sinh viên cần chú ý đến trang phục và bảo quản đồ vật quý giá (tiền bạc, giấy tờ) một cách cẩn thận để tránh tranh chấp.”

(三)宿舍的洗衣機、脫水機、冰箱修繕，請直接向宿舍老師反應報修，勿填寫「修繕服務系統」。

”(3) Đối với việc sửa chữa máy giặt, máy vắt, và tủ lạnh trong ký túc xá, vui lòng báo cáo trực tiếp cho giáo viên ký túc xá để yêu cầu sửa chữa, không cần điền vào hệ thống ‘Dịch vụ sửa chữa’.”

捌、防範偷竊事件”Phòng ngừa sự cố trộm cắp”：

一、財務管理”Quản lý tài sản：私人貴重錢財、物品務必隨身攜帶或鎖於個人衣櫃上鎖妥善保管；如需提領現金盡量運用學校內提款機提取，遺失者自行負責。”1. Hãy luôn mang theo đồ đạc bên người hoặc khóa cẩn thận trong tủ cá nhân; nếu cần rút tiền mặt, hãy sử dụng máy ATM trong trường càng nhiều càng tốt. Mất mát phải tự chịu trách nhiệm.”

二、預防（處置）作為”Biện pháp phòng ngừa (xử lý)”

(一)未經該寢室同學同意，勿私自進入他人寢室。

”(1) Không được tự ý vào phòng của người khác mà không có sự đồng ý của các bạn cùng phòng.”

(二)嚴禁私自複製寢室及衣櫃鑰匙，以保障個人財務安全。

”(2) Cấm sao chép chìa khóa phòng và tủ cá nhân một cách trái phép để đảm bảo an toàn tài sản cá nhân.”

(三)住宿期間若遭偷竊，在第一時間內請向宿舍老師或幹部反應協處。

”(3) Trong thời gian lưu trú nếu bị trộm cắp, hãy báo cáo ngay lập tức cho giáo viên ký túc xá hoặc cán bộ để được hỗ trợ xử lý.”

(四)為維護同學權益及宿舍區之安全維護，宿舍老師或系教官可在宿舍幹部陪同下，實施定期或不定期之安全檢查。（依據教育部函發教師輔導與管教學生辦法注意事項第29條規範）

”(4) Để bảo vệ quyền lợi của sinh viên và đảm bảo an ninh trong khu vực ký túc xá, giáo viên ký túc xá hoặc cán bộ hệ có thể thực hiện kiểm tra an ninh định kỳ hoặc không định kỳ, với sự đồng hành của

cán bộ ký túc xá. (Theo quy định tại Điều 29 của Thông tư Bộ Giáo dục về hướng dẫn và quản lý sinh viên).”

玖、請假流程”Quy trình xin phép vắng mặt”：

住宿生須完成各項請假手續，經家長（監護人）電話聯繫確定，向宿舍老師核備後，始可離校；並於五日內，須攜帶相關證明完成請假手續。”Sinh viên lưu trú phải hoàn tất tất cả các thủ tục xin phép vắng mặt, xác nhận qua điện thoại với phụ huynh (người giám hộ), và sau đó báo cáo với giáo viên ký túc xá trước khi rời trường. Đồng thời, trong vòng năm ngày, phải mang theo các chứng từ liên quan để hoàn tất thủ tục xin phép.”

拾、其他 các lưu ý khác：

- 一、品德競賽（專科優良宿舍）”1. Cuộc thi phẩm hạnh (Ký túc xá xuất sắc của hệ chuyên ngành)”：每學期辦理一次宿舍品德教育競賽，視實際狀況核予成績優異寢室數名，配合學校集會頒發獎狀及行政獎勵。””Mỗi học kỳ sẽ tổ chức một lần cuộc thi giáo dục phẩm hạnh ký túc xá. Dựa trên tình hình thực tế, sẽ trao giải cho một số phòng ký túc xá có thành tích xuất sắc, và tổ chức lễ trao chứng nhận cùng phần thưởng hành chính trong buổi họp toàn trường.”
- 二、宿舍內嚴禁傳播各項宗教活動與販賣相關物品等行為。”2. Cấm truyền bá các hoạt động tôn giáo và bán các vật phẩm liên quan trong ký túc xá.”
- 三、各寢室鑰匙請妥善保管，若遺失請報宿舍老師協處。”3. Các chìa khóa phòng phải được bảo quản cẩn thận; nếu bị mất, vui lòng báo cáo với giáo viên ký túc xá để được hỗ trợ xử lý.”
- 四、住宿生上、下課時間均不得穿著脫鞋進出宿舍門口；專科同學亦不得雜穿制服或運動服，以保持服儀整齊。”4. Sinh viên lưu trú không được đi dép vào hoặc ra khỏi cửa ký túc xá trong thời gian lên lớp hoặc tan học; sinh viên hệ chuyên ngành cũng không được mặc đồng phục lẫn với trang phục thể thao để duy trì hình thức trang nhã.”
- 五、若遇校方整潔評鑑或外賓來訪，需進行內務檢查時，將先行通知住宿生配合，不得藉故拒絕。”5. Nếu có đánh giá về sự sạch sẽ của trường hoặc khi có khách đến thăm, và cần thực hiện kiểm tra nội vụ, sinh viên lưu trú sẽ được thông báo trước để phối hợp, không được từ chối với lý do nào.””Jika
- 六、住宿生表現優異者（符合住宿獎勵項目），由宿舍老師考查，不定期簽予獎勵”6. Sinh viên lưu trú có thành tích xuất sắc (đáp ứng các tiêu chí khen thưởng) sẽ được giáo viên ký túc xá xem xét và có thể nhận thưởng không định kỳ.”
- 七、以上未盡事宜，將依本校校規相關規定酌情辦理，並另行修正公告。”7. Các vấn đề chưa được đề cập ở trên sẽ được xử lý theo quy định liên quan của trường và sẽ được sửa đổi thông báo sau.”

拾壹、連絡電話 “Số điện thoại liên lạc”：

軍訓室電話”Số điện thoại phòng huấn luyện quân sự”：(07) 7811151 轉 ext 2911

生輔組電話”Số điện thoại của Bộ phận Hỗ trợ Sinh viên”：(07) 7811151 轉 ext 2230

宿舍日間值班室”Phòng trực ban ban ngày của ký túc xá”：07-7811115 轉 ext8005，寢室直撥”Số điện thoại nội bộ của phòng ký túc xá”：5001

宿舍夜間校安專線（緊急使用）”Đường dây nóng an ninh ký túc xá ban đêm (sử dụng trong trường hợp khẩn cấp)”：0933-608-660

女一宿值班室電話”Số điện thoại phòng trực ban Ký túc xá nữ 1”：(07) 7811151 轉 ext8001；內線：1100

女一宿 寢室電話”Số điện thoại phòng ký túc xá nữ 1”：(07) 7820753 轉 各寢室號碼”Số hiệu các phòng ký túc xá”1 (如 mis: 1112)

女二宿值班室電話”Số điện thoại phòng trực ban Ký túc xá nữ 2”：(07) 7811151 轉 ext 8002；內線 Langsung：2122

女二宿 寢室電話 "Số điện thoại phòng ký túc xá nữ 1" : (07) 7827855 轉 各寢室號碼 "Số hiệu các phòng ký túc xá"如 mis: 2100)

女三宿 值班室電話 "Số điện thoại phòng trực ban Ký túc xá nữ 3" : (07) 7811151 轉 ext 8003

女五宿 值班室電話 "Số điện thoại phòng trực ban Ký túc xá nữ 5" : (07) 7811151 轉 ext 8005 ; 內線 : 5001

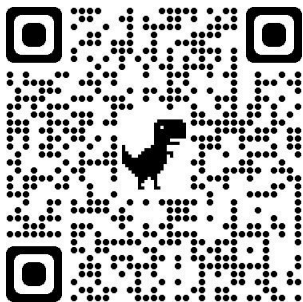
女五宿 寢室電話 "Số điện thoại phòng ký túc xá nữ 5" : (07) 7833255 轉 各寢室號碼 "Số hiệu các phòng ký túc xá"如 mis: 5101)

男生宿舍 值班室電話 Số điện thoại phòng trực ban Ký túc xá nam 5” : (07) 7811151 轉 ext 8004 ; 內線 Lansung : 3202

寢室電話 Số điện thoại phòng ký túc xá nữ 5 : (07) 7833296 轉 各寢室號碼 Số hiệu các phòng ký túc xá (如 mis: 3204、3206)

拾貳、上述所列各點若有違反者，視情節輕重依「輔英科技大學學生住宿作業要點」(如獎懲一覽表)、「輔英科技大學學生獎懲規定」及「輔英科技大學專科學生獎懲規定」等規定，予以處分。”

Nếu vi phạm các điểm đã liệt kê ở trên, sẽ bị xử lý theo mức độ nghiêm trọng theo quy định của ‘Điểm hướng dẫn về công tác lưu trú sinh viên tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’ (như bảng khen thưởng và kỷ luật), ‘Quy định về khen thưởng và kỷ luật sinh viên tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’, và ‘Quy định về khen thưởng và kỷ luật sinh viên chương trình chuyên ngành tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’.”



宿舍學生生活須知、輔英科技大學學生住宿作業要點(含獎懲一覽表)、輔英科技大學學生獎懲規定」及「輔英科技大學專科學生獎懲

規定”Quy định về sinh hoạt của sinh viên ký túc xá, ‘Điểm hướng dẫn về công tác lưu trú sinh viên tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’ (bao gồm bảng khen thưởng và kỷ luật), ‘Quy định về khen thưởng và kỷ luật sinh viên tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’ và ‘Quy định về khen thưởng và kỷ luật sinh viên chương trình chuyên ngành tại Đại học Kỹ thuật Fu-Ying’.”」

※請確實遵行宿舍須知，違者依相關規定處分。如有疑問，可向宿舍老師或宿舍幹部詢問。

”Vui lòng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của ký túc xá. Những người vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định liên quan. Nếu có bất kỳ câu hỏi nào, xin vui lòng hỏi giáo viên hoặc cán bộ ký túc xá.”

請同學詳讀須知並簽名確認，以示負責並據以遵守！

”Xin các bạn sinh viên đọc kỹ các hướng dẫn và ký tên xác nhận để thể hiện sự chịu trách nhiệm và cam kết tuân thủ!”

宣導日期 “Ngày tuyên truyền” 2024.4.10

學號 mã sinh viên: _____ 簽名 ký tên : _____ 日期 ngày tháng năm: